TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 /12/2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Lý Thị Bé Năm;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa*: bà Tăng Thị Điền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp 6, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T1 tổ chức lễ cưới vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu T1ẫn, tranh cãi nhau nhiều lần làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân nhau 08 năm nay, tình cảm không còn nên ông T yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: giữa ông và bà T1 có 02 con chung đã trưởng thành.

- T sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 không có văn bản thê hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông T và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, ông Nguyễn Tấn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào T liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T1.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, ông T xác định tình trạng mâu T1ẫn vợ chồng giữa ông và bà T1 không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân 08 năm nay không đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Bà T1 không tham gia phiên tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà T1 không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với ông T xem như bà thừa nhận trình bày của ông T về tình trạng mâu T1ẫn vợ chồng là đúng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: tình trạng mâu T1ẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Giữa ông T và bà T1 có 02 con chung đã trưởng thành, ông T không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về T sản chung: ông T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Ông T có giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

2. Án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

3. Quyền kháng cáo:

Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: T, T1;
- UBND xã Phú Cường, huyện Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT